

CHỦ ĐỀ 4: KÌ NGHỈ

BÀI 1: N n M m (tiết 1 –2, SHS, tr.40 – 41)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1.a. Biết trao đổi với bạn về sự vật, hoạt động được tên chủ đề gợi ra, sử dụng được một số từ khoá sẽ xuất hiện trong các bài học thuộc chủ đề *Kì nghỉ* (*mỹ, nơ, nghi, ghé, ngựa, gà, ...*).

1.b. Quan sát tranh khởi động, biết trao đổi với bạn về các sự vật, hoạt động, trạng thái được vẽ trong tranh có tên gọi chứa *n, m* (*nơ, nắm, me, ...*).

2. Nhận diện sự tương hợp giữa âm và chữ của *n, m*, nhận diện cấu tạo tiếng, đánh vần đồng thanh lớn *nơ, me*.

3. Viết được các chữ *n, m* và các tiếng, từ có *n, m* (*nơ, me*).

4. Đánh vần các tiếng, từ mở rộng và hiểu nghĩa của các từ đó; đọc được câu ứng dụng và hiểu nghĩa của câu ứng dụng mức độ đơn giản.

5. Nói được câu có từ ngữ chứa tiếng có âm chữ được học có nội dung liên quan với nội dung bài học.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

– SHS, VTV, VBT, SGV.

– Thẻ chữ *n, m* (in thường, in hoa, viết thường).

– Một số tranh ảnh minh họa kèm theo thẻ từ (*cái nơ, quả me, quả na (mãng cầu), quả mơ, ca nô, cá mè, ...*). (GV có thể chuẩn bị thêm video clip về cảnh đi nghỉ có các hình ảnh giúp HS sử dụng các từ ngữ chứa âm chữ được học trong tuần.)

– Tranh chủ đề (nếu có).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

– HS có thể thực hiện trò chơi/ tham gia hoạt động giải trí có liên quan với chủ đề bài học.

– HS kể tên/ đọc viết từ, nói câu có từ ngữ chứa tiếng có âm chữ được học ở chủ đề *Đi chợ*; hoặc trả lời câu hỏi về nội dung của các bài đọc/ truyện kể thuộc chủ đề *Đi chợ*.

2. Khởi động

– HS mở SHS, trang 40.

– HS lắng nghe GV giới thiệu tên chủ đề và quan sát chữ ghi tên chủ đề (GV có thể cho HS nhận diện và đọc chữ HS đã học trong tên chủ đề *kì nghỉ*).

– HS trao đổi với bạn về sự vật, hoạt động được tên chủ đề gợi ra, sử dụng được một số từ khoá sẽ xuất hiện trong các bài học thuộc chủ đề *Kì nghỉ* (*đi nghỉ, nhà ga, ghé gổ, ca nô, mũ, nón, ...*).

– HS quan sát tranh khởi động, trao đổi với bạn về các sự vật, hoạt động, trạng thái được vẽ trong tranh có tên gọi chứa tiếng có *n, m* (*bố mẹ, nơ, nụ hoa, cây me, me đất, cá mè, ...*).

– HS tìm điểm giống nhau giữa các tiếng đã tìm được (đều có *n, m*).

– HS phát hiện *n, m*.

– HS lắng nghe GV giới thiệu bài và quan sát chữ ghi tên bài (*N n M m*).

3. Nhận diện âm chữ mới, tiếng có âm chữ mới

3.1. Nhận diện âm chữ mới

a. Nhận diện âm chữ *n*

– HS quan sát chữ *n* in thường, in hoa.

– HS đọc chữ *n*.

b. Nhận diện âm chữ *m* (tương tự với *n*)

3.2. Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng

a. Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng có âm chữ *n*

– HS quan sát mô hình đánh vần tiếng *nơ*.

– HS phân tích tiếng *nơ* (gồm âm *n*, âm *ơ*).

– HS đánh vần theo mô hình tiếng: *nờ-ơ-nơ*.

b. Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng có âm chữ *m*

– HS quan sát mô hình đánh vần tiếng *me*.

(Các bước còn lại tương tự với tiếng *nơ*.)

4. Đánh vần tiếng khoá, đọc trơn từ khoá

4.1. Đánh vần và đọc trơn từ khoá *nơ*

– HS quan sát từ *nơ*, phát hiện âm *n* trong tiếng *nơ*.

– HS đánh vần tiếng khoá *nơ*: *nờ-ơ-nơ*.

– HS đọc trơn từ khoá *nơ*.

4.2. Đánh vần và đọc trơn từ khoá *me* (tương tự từ khoá *nơ*)

Lưu ý: Khi dạy âm chữ *n*, GV có thể chú ý hướng dẫn những HS phát âm lẫn lộn *l/n*. Nếu lớp có những HS thuộc nhóm này, GV cần có kế hoạch hướng dẫn HS từ nghe đúng đến phát âm đúng, nói đúng, đọc đúng; từ phát âm, nói, đọc từ đơn đến phát âm, nói, đọc từ phức, cụm từ, câu có tiếng chứa âm *n*, so sánh với *l* (VD: *Nụ na đã nở; Lúa lựu lập lòe*).

5. Tập viết

5.1. Viết vào bảng con

a. Viết chữ *n*, *nơ*

a1. Viết chữ *n*

– HS quan sát cách GV viết và phân tích cấu tạo nét chữ của con chữ *n*.

– HS viết con chữ *n* vào bảng con.

– HS nhận xét bài viết của mình và bạn, sửa lỗi nếu có.

a2. Viết chữ **nơ**

– HS quan sát cách GV viết và phân tích cấu tạo của chữ **nơ** (chữ **n** đứng trước, chữ **ơ** đứng sau).

– HS viết chữ **nơ** vào bảng con.

– HS nhận xét bài viết của mình và bạn, sửa lỗi nếu có.

b. Viết chữ **m, me** (tương tự với **n, nơ**)

5.2. Viết vào vở tập viết

– HS viết **n, nơ, m, me** vào VTV.

– HS nhận xét bài viết của mình và bạn; sửa lỗi nếu có.

– HS tự chọn biểu tượng đánh giá phù hợp với kết quả bài của mình.

TIẾT 2

6. Luyện tập đánh vần, đọc trơn

6.1. Đánh vần, đọc trơn các từ mở rộng, hiểu nghĩa các từ mở rộng

– HS đánh vần các tiếng có **n, m** (*na, mơ, ca nô, cá mè*).

– HS tìm hiểu nghĩa của các từ mở rộng.

– HS nói câu có từ ngữ mở rộng.

– HS có thể tìm thêm những tiếng, từ khác có chứa âm **n, m** (*núi, nước, mẹ, ...*).

6.2. Đọc và tìm hiểu nội dung câu ứng dụng

– HS nghe GV đọc mẫu.

– HS tìm tiếng chứa các âm chữ mới có trong bài đọc.

– HS đánh vần một số từ ngữ khó và đọc thành tiếng câu ứng dụng.

– HS tìm hiểu nghĩa của câu ứng dụng *Ba mẹ cho bé đi ca nô*. (“Ai cho bé đi ca nô?”, “Ba mẹ cho bé làm gì?”).

7. Hoạt động mở rộng

– HS quan sát tranh, phát hiện được nội dung tranh (“Tranh vẽ những vật gì?”, “Em có thích vật đó không?”).

– HS xác định yêu cầu của HĐMR: gọi tên vật, nói câu có từ ngữ chứa tên gọi vật đã tìm.

– HS nói trong nhóm, trước lớp câu có từ ngữ chứa tiếng có âm **n, m**.

8. Củng cố, dặn dò

- HS nhận diện lại tiếng, từ có *n, m*.
- HS nắm được nội dung đọc, viết ở giờ tự học hoặc ở nhà (với HS học một buổi).
- HS biết chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *u, ư*).

BÀI 2: U u Ư ư (tiết 3 – 4, SHS, tr.42 – 43)

I. MỤC TIÊU

(Tương tự bài 1: thay *n, m* bằng *u, ư*)

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

(Tương tự bài 1: thay *n, m* bằng *u, ư*)

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS thực hiện trò chơi/ tham gia hoạt động giải trí có liên quan đến chủ đề.
- HS đọc từ ngữ, câu; viết chữ, từ ngữ; nói câu có từ ngữ có tiếng chứa *n, m*.

2. Khởi động

- HS mở SHS, trang 42.
- HS quan sát tranh khởi động, trao đổi, nói từ ngữ chứa tiếng có âm *u, ư* (*hộp thư, đu đủ, su su, mũ*).
- HS tìm điểm giống nhau giữa các tiếng đã tìm được (đều có chứa *u, ư*).
- HS phát hiện *u, ư*.
- HS lắng nghe GV giới thiệu bài và quan sát chữ ghi tên bài (*U u Ư ư*).

3. Nhận diện âm chữ, tiếng có âm chữ mới

3.1. Nhận diện âm chữ mới

a. Nhận diện âm chữ *u*

- HS quan sát chữ *u* in thường, in hoa.
- HS đọc chữ *u*.

b. Nhận diện âm chữ *ư* (tương tự âm chữ *u*)

3.2. Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng

a. Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng có âm chữ *u*

- HS quan sát mô hình đánh vần tiếng *mũ*.
- HS phân tích tiếng *mũ* (gồm âm *m*, âm *u*, thanh ngã).
- HS đánh vần theo mô hình tiếng: *mờ-u-mu-ngã-mũ*.

b. Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng có âm chữ *ư*

- HS quan sát mô hình đánh vần tiếng *chữ*.

(Các bước còn lại tương tự tiếng *mũ*.)

4. Đánh vần tiếng khoá, đọc trơn từ khoá

4.1. Đánh vần và đọc trơn từ khoá *mũ*

- HS quan sát từ *mũ*, phát hiện âm *m* trong tiếng khoá *mũ*.
- HS đánh vần tiếng khoá *mũ*: *mờ-u-mu-ngã-mũ*.
- HS đọc trơn từ khoá *mũ*.

4.2. Đánh vần và đọc trơn từ khoá *chữ* (tương tự từ khoá *mũ*)

5. Tập viết

5.1. Viết vào bảng con

a. Viết chữ *u*, *mũ*

a1. Viết chữ *u*

- HS quan sát cách GV viết và phân tích cấu tạo nét chữ của con chữ *u*.
- HS viết con chữ *u* vào bảng con.
- HS nhận xét bài viết của mình và bạn, sửa lỗi nếu có.

a2. Viết chữ *mũ*

- HS quan sát cách GV viết và phân tích cấu tạo của chữ *mũ* (chữ *m* đứng trước, chữ *u* đứng sau, dấu ghi thanh ngã trên chữ *u*).

- HS viết chữ *mũ* vào bảng con.

- HS nhận xét bài viết của mình và bạn, sửa lỗi nếu có.

b. Viết chữ *ư*, *chữ* (tương tự với *u*, *mũ*)

5.2. Viết vào vở tập viết

- HS viết *u*, *mũ*, *ư*, *chữ* vào VTV.

- HS nhận xét bài viết của mình và bạn, sửa lỗi nếu có.

- HS tự chọn biểu tượng đánh giá phù hợp với kết quả bài của mình.

TIẾT 2

6. Luyện tập đánh vần, đọc trơn

6.1. Đánh vần, đọc trơn các từ mở rộng, hiểu nghĩa các từ mở rộng

- HS đánh vần và đọc trơn các từ mở rộng có tiếng chứa *u, ư* (*cá mú, đò lừ, đu đủ, cá hú*).
- HS tìm hiểu nghĩa của các từ mở rộng.
- HS nói câu có từ ngữ mở rộng.
- HS có thể tìm thêm những tiếng, từ khác có chứa âm *u, ư* (*củ, tù và; cá ngừ,...*).

6.2. Đọc và tìm hiểu nội dung câu ứng dụng

- HS nghe GV đọc mẫu.
- HS tìm tiếng chứa âm chữ mới học có trong bài đọc.
- HS đánh vần một số từ khó và đọc thành tiếng câu ứng dụng.
- HS tìm hiểu nghĩa của câu ứng dụng *Bà cho bé đu đủ. (Ai cho bé đu đủ?, Bà cho bé quả gì?)*.

7. Hoạt động mở rộng

- HS quan sát tranh, phát hiện được nội dung tranh (*Tranh vẽ những ai?, Các bạn nhỏ đang làm gì?, Chữ gì trong bóng nói gần với bạn nhỏ?.*).
- HS xác định nội dung của HĐMR: chơi U (GV giới thiệu trò chơi U).
- HS chơi U kết hợp vận động (nếu không gian lớp rộng) hoặc chơi U trong nhóm nhỏ (thi ai nói *u* được lâu hơn, người thua sẽ phải tìm các từ ngữ chứa âm *u* hoặc *ư* (*chú bác, tu hú, lừ đừ, từ từ,...*)).

8. Củng cố, dặn dò

- HS nhận diện lại tiếng, từ có *u, ư*.
- HS nắm được nội dung đọc, viết ở giờ tự học hoặc ở nhà (với HS học một buổi).
- HS biết chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *g, gh*).

BÀI 3: G g gh (tiết 5 – 6, SHS, tr.44 – 45)

I. MỤC TIÊU

(Tương tự bài 1: thay *n, m* bằng *g, gh*.)

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

(Tương tự bài 1: thay *n, m* bằng *g, gh*.)

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS có thể thực hiện trò chơi/ tham gia hoạt động giải trí có liên quan đến chủ đề.
- HS đọc từ ngữ, câu; viết chữ, từ ngữ; nói câu có từ ngữ có tiếng chứa *u, ư*.

2. Khởi động

- HS mở SHS, trang 44.
- HS quan sát tranh, trao đổi và nói ra những từ chứa tiếng có âm *g, gh* (*gà, gỗ, ghé, ghe*).
- HS tìm điểm giống nhau giữa các tiếng đã tìm được (đều có *g, gh*).
- HS phát hiện *g, gh*.
- HS lắng nghe GV giới thiệu bài và quan sát chữ ghi tên bài (*G g gh*).

3. Nhận diện âm chữ mới, tiếng có âm chữ mới

3.1. Nhận diện âm chữ mới

a. Nhận diện âm chữ *g*

- HS quan sát chữ *g* in thường, in hoa.
- HS đọc chữ *g*.

b. Nhận diện âm chữ *gh* (tương tự *g*)

(GV hướng dẫn HS đọc *g* và *gh*: đều đọc là “gờ”.)

3.2. Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng

a. Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng có âm chữ *g*

- HS quan sát mô hình đánh vần tiếng *gà*.
- HS phân tích tiếng *gà* (gồm âm *g, a*, thanh huyền).
- HS đánh vần theo mô hình tiếng: *gờ-a-ga-huyền-gà*.

b. Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng có âm chữ **gh**

– HS quan sát mô hình đánh vần tiếng **ghế**.

(Các bước còn lại như tiếng **gà**.)

4. Đánh vần tiếng khoá, đọc trơn từ khoá

4.1. Đánh vần và đọc trơn từ khoá **gà**

– HS quan sát từ **gà**, phát hiện âm **g** trong tiếng khoá **gà**.

– HS đánh vần tiếng khoá **gà**: *gờ-a-ga-huyền-gà*.

– HS đọc trơn từ khoá **gà**.

4.2. Đánh vần và đọc trơn, từ khoá **ghế** (tương tự từ **gà**)

Lưu ý:

– Hai chữ **g, gh** đều dùng ghi âm cho âm “gờ”; khi hướng dẫn HS nhận diện, đọc, GV nên hỏi “Chữ này đọc là gì?”, không hỏi “Chữ này là chữ gì?”.

– **g** thuộc nhóm “âm muộn”, GV có thể chú ý hướng dẫn cho HS phát âm, đọc tiếng, từ ngữ có **g** (số HS lớp 1 phát âm **g** thành *nh* khá nhiều). Nếu trong lớp có những HS phát âm **g** bị sai, GV cần có kế hoạch (kết hợp với phụ huynh) hướng dẫn HS từ nghe đúng đến phát âm đúng, nói đúng, đọc đúng; từ phát âm, nói, đọc từ đơn đến phát âm nói, đọc từ phức, cụm từ, câu có tiếng chứa âm **g**. VD: *Gà gô gù gù gừ gừ/ Gà gô gảy đàn gù gừ gừ gừ, ...*

5. Tập viết

5.1. Viết vào bảng con

a. Viết chữ **g, gà**

a1. Viết chữ **g**

– HS quan sát cách GV viết và phân tích cấu tạo nét chữ của con chữ **g**.

– HS viết con chữ **g** vào bảng con.

– HS nhận xét bài viết của mình và bạn, sửa lỗi nếu có.

a2. Viết chữ **gà**

– HS quan sát cách GV viết và phân tích cấu tạo của chữ **gà** (chữ **g** đứng trước, chữ **a** đứng sau, dấu ghi thanh huyền trên chữ **a**).

– HS viết chữ **gà** vào bảng con.

– HS nhận xét bài viết của mình và bạn, sửa lỗi nếu có.

b. Viết chữ **gh, ghế** (tương tự với **g, gà**)

(GV nhắc HS trước **i, e, ê** viết **gh**.)

5.2. Viết vào vở tập viết

- HS viết *g, gà, gh, ghé* vào VTV.
- HS nhận xét bài viết của mình và bạn; sửa lỗi nếu có.
- HS tự chọn biểu tượng đánh giá phù hợp với kết quả bài của mình.

TIẾT 2

6. Luyện tập đánh vần, đọc trơn

6.1. Đánh vần, đọc trơn các từ mở rộng, hiểu nghĩa các từ mở rộng

- HS đánh vần đồng thanh lớn các tiếng có *g, gh* (*ga, gà gô, ghe, ghi*).
- HS tìm hiểu nghĩa của các từ mở rộng.
- HS nói câu có từ ngữ mở rộng.
- HS có thể tìm thêm những tiếng, từ khác có chứa âm *g, gh* (*gốc cây, ghe tàu, gồ gồ, gập ghềnh,...*).

6.2. Đọc và tìm hiểu nội dung câu ứng dụng

- HS nghe GV đọc mẫu.
- HS tìm tiếng chứa âm chữ mới học có trong bài đọc.
- HS đánh vần một số từ khó và đọc thành tiếng câu ứng dụng.
- HS tìm hiểu nghĩa của câu ứng dụng *Bé vẽ gà và ghé* (*Bé vẽ những gì?, Ai vẽ gà và ghé?*).

7. Hoạt động mở rộng

- HS quan sát tranh, phát hiện được nội dung tranh (*Tranh vẽ những gì? Màu sắc, hình dáng như thế nào?, Em thích hay không? Vì sao?*).
- HS xác định yêu cầu của HĐMR: nói về những vật em biết.
- HS nói về *cái gối, hòn gạch, đàn ghi ta* (GV có thể tổ chức dạng hỏi đáp theo các nội dung như: Đó là gì? Màu sắc, hình dáng thế nào? Bạn có thích không? Vì sao?).

8. Củng cố, dặn dò

- HS nhận diện lại tiếng, từ có *g, gh*.
- HS nắm được nội dung đọc, viết ở giờ tự học hoặc ở nhà (với HS học một buổi).
- HS biết chuẩn bị cho tiết học sau (*Bài ng ngh*).

BÀI 4: NG NGH (tiết 7 – 8, SHS, tr.46 – 47)

I. MỤC TIÊU

(Tương tự bài 1: thay *n, m* bằng *ng, ngh*)

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

(Tương tự bài 1: thay *n, m* bằng *ng, ngh*)

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS có thể tham gia trò chơi hoặc hoạt động giải trí có liên quan đến chủ đề.
- HS đọc từ ngữ, câu; viết âm chữ, từ ngữ; nói câu có từ ngữ có tiếng chứa *g, gh*.

2. Khởi động

- HS mở SHS, trang 46.
- HS quan sát tranh, trao đổi, nói từ ngữ chứa tiếng có *ng, ngh* (*ngựa, người ngồi nghỉ, ngô¹, nghe, nghề*).
- HS tìm điểm giống nhau giữa các tiếng đã tìm được (đều có *ng, ngh*).
- HS phát hiện *ng, ngh*.
- HS lắng nghe GV giới thiệu bài và quan sát chữ ghi tên bài (*ng ngh*).

3. Nhận diện âm chữ mới, tiếng có âm chữ mới

3.1. Nhận diện âm chữ mới

a. Nhận diện âm chữ *ng*

- HS quan sát chữ *ng*.
- HS đọc chữ *ng*.

b. Nhận diện âm chữ *ngh* (tương tự *ng*)

(GV lưu ý HS *ng* và *ngh* đều đọc là “ngờ”.)

3.2. Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng

a. Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng có âm chữ *ng*

- HS quan sát mô hình đánh vần tiếng *ngừ*.
- HS phân tích tiếng *ngừ* (gồm âm *ng*, âm *ư* và thanh huyền).

¹ GV giải thích cho HS “ngô”, miền Nam gọi là “bắp”.

– HS đánh vần theo mô hình tiếng: *ngờ-u-ngư-huyền-ngừ*.

b. Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng có âm chữ **ng** (trương tự như với *ng*)

4. Đánh vần tiếng khoá, đọc trơn từ khoá

4.1. Đánh vần và đọc trơn từ khoá cá ngữ

– HS quan sát từ khoá *cá ngữ*, phát hiện âm *ng* trong tiếng khoá *ngừ*.

– HS đánh vần tiếng khoá *ngừ*: *ngờ-u-ngư-huyền-ngừ*.

– HS đọc trơn từ khoá *cá ngữ*.

4.2. Đánh vần và đọc trơn từ khoá củ nghệ¹ (trương tự từ khoá cá ngữ)

5. Tập viết

5.1. Viết vào bảng con

a. Viết chữ **ng**, cá ngữ

a1. Viết chữ **ng**

– HS quan sát cách GV viết và phân tích cấu tạo của chữ *ng*.

– HS viết con chữ *ng* vào bảng con.

– HS nhận xét bài viết của mình và bạn, sửa lỗi nếu có.

a2. Viết chữ **cá ngữ**

– HS quan sát cách GV viết và phân tích cấu tạo của chữ *ngừ* (chữ *ng* đứng trước, chữ *ừ* đứng sau, dấu thanh huyền trên chữ *ừ*).

– HS viết chữ *cá ngữ* vào bảng con.

– HS nhận xét bài viết của mình và bạn, sửa lỗi nếu có.

b. Viết chữ **ng**, củ nghệ (trương tự với chữ *ng*, cá ngữ)

(GV nhắc HS trước *i*, *e*, *ê* viết *ng*.)

5.2. Viết vào vở tập viết

– HS viết chữ *ng*, *cá ngữ*, *ng*, *củ nghệ* vào VTV.

– HS nhận xét bài viết của mình và bạn, sửa lỗi nếu có.

– HS tự chọn biểu tượng đánh giá phù hợp với kết quả bài của mình.

¹ GV có thể dùng vật thật "củ nghệ" cho HS quan sát.

TIẾT 2

6. Luyện tập đánh vần, đọc trơn

6.1. Đánh vần, đọc trơn các từ mở rộng, hiểu nghĩa các từ mở rộng

- HS đánh vần đồng thanh lớn các tiếng có *ng, ngh* (*ngủ, nghĩ, ngô, nghe*).
- HS tìm hiểu nghĩa của các từ mở rộng.
- HS nói câu có từ ngữ mở rộng.
- HS có thể tìm thêm những tiếng, từ khác có chứa âm *ng, ngh* (*ngày, ngoan, nghĩ, nghề,...*).

6.2. Đọc và tìm hiểu nội dung câu ứng dụng

- HS nghe GV đọc mẫu. GV nhắc HS hình thức chữ M in hoa.
- HS tìm tiếng chứa các âm chữ mới học có trong bài đọc.
- HS đánh vần một số từ ngữ khó và đọc thành tiếng câu ứng dụng.
- HS tìm hiểu nghĩa của câu ứng dụng *Mẹ chỉ cho bé nghe, ngô*. (“Ai chỉ cho bé nghe, ngô?”)

7. Hoạt động mở rộng

- HS quan sát tranh, phát hiện được nội dung tranh (*Tranh vẽ hai bạn nhỏ đang làm gì? Hãy đọc câu có trong bóng nói của bạn nam.*).
- HS xác định yêu cầu của HĐMR: nói về *Nghe vẽ nghe ve* có tiếng chứa *ng, ngh*.
- HS thi đọc nối tiếp, hoặc nói câu, cụm từ có *ng, ngh*, VD: *Nghe vẽ nghe ve/ Nghe vẽ lớp tới... ngáp nga ngáp ngừng, ngừng nga ngừng nguẩy, v.v..*

8 Củng cố, dặn dò

- HS nhận diện lại tiếng, từ có *ng, ngh*.
- HS nắm được nội dung đọc, viết ở giờ tự học hoặc ở nhà (với HS học một buổi).
- HS biết chuẩn bị cho tiết học sau (*Bài Thực hành*).

THỰC HÀNH (tiết 9)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Kể đúng, đọc đúng các chữ *n, m, u, ư, g, gh, ng, ngh*.
2. Nhận diện đúng âm chữ được học trong tiếng, từ.
3. Đánh vần tiếng có âm chữ mới, tập đọc nhanh tiếng có âm chữ đã học, gia tăng tốc độ đọc trơn câu, đoạn, bài đọc ứng dụng.

4. Nhận diện được quy tắc chính tả g/ gh.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

(Tương tự kiểu bài thực hành ở phần hướng dẫn chung.)

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

– HS tham gia trò chơi hoặc hoạt động giải trí (Ưu tiên trò chơi hoặc hoạt động liên quan chủ đề *Kì nghỉ*. Gợi ý trò chơi: *Con gà, con ghẹ ăn gì?*, GV dùng hình vẽ con gà, ghép với các hạt ngô có các chữ ô, o, a, u, ư; hình vẽ con ghẹ, ghép với các con cá nhỏ có các chữ i, ê, e; HS tham gia trò chơi “Nhóm nào cho gà và ghẹ ăn nhanh nhất?”).

– HS đọc câu, đoạn; viết từ ngữ, nói câu có từ ngữ chứa tiếng có âm chữ đã học ở bài 4.

2. Luyện tập đánh vần, đọc trơn, tìm hiểu nội dung bài đọc

2.1. Luyện tập đánh vần, đọc trơn từ ngữ

– HS lắng nghe GV đọc và tìm các tiếng có âm chữ mới học có trong bài đọc (VBT, tập một, tr.13), đánh vần các tiếng đó.

– HS đọc trơn tiếng/ từ chứa âm chữ mới được học trong tuần.

2.2. Luyện tập đọc trơn và tìm hiểu nội dung bài đọc

– HS lắng nghe GV đọc mẫu: *Bé kể cho chú Lữ nghe về bè cá.*

– HS đọc thành tiếng câu luyện đọc.

– HS thực hiện bài tập nói trên cơ sở câu đã đọc.

3. Luyện tập thực hành các âm vần mới

– HS quan sát các kí hiệu dùng trong VBT.

– HS làm các bài tập, nói câu có từ ngữ chứa tiếng có âm chữ được học trong tuần. (Tuỳ tình hình HS và thời gian của tiết học, GV có thể lựa chọn các bài tập trong VBT hoặc tự thiết kế bài tập cho HS.)

– HS rà soát, sửa lỗi nếu có.

– HS chọn biểu tượng đánh giá phù hợp.

4. Củng cố, dặn dò

– HS nhận diện lại tiếng/ từ có âm chữ mà HS thường mắc lỗi khi đọc viết.

– HS nắm được nội dung đọc, viết ở giờ tự học hoặc ở nhà (với HS học một buổi).

– HS biết chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *Ôn tập và kể chuyện*).

BÀI 5: ÔN TẬP VÀ KỂ CHUYỆN (tiết 10 – 12. SHS, tr. 48 – 49)

A. ÔN TẬP (tiết 10, 11)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Nhận diện được *n, m, u, ư, g, gh, ng, ngh*.
2. Sử dụng được các âm chữ đã học trong tuần để tạo tiếng mới.
3. Đánh vần và bước đầu đọc trơn bài đọc.
4. Nhận diện, phân biệt và phát biểu thành lời quy tắc chính tả *g/gh, ng/ngh*.
5. Viết đúng cụm từ ứng dụng, rèn luyện việc viết nổi thuận lợi, không thuận lợi.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, VTV, VBT, SGV.
- Thẻ các chữ *n, m, u, ư, g, gh, ng, ngh*.
- Một số tranh ảnh, mô hình hoặc vật (nếu có) dùng minh họa kèm theo thẻ từ.
- Bảng phụ dùng ghi các nội dung rèn chính tả cho *g/gh, ng/ngh*.
- Bảng cài và chữ cái (nếu có).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

- Một vài HS đọc, viết từ ngữ có *m, n, u, ư*.
- HS nghe GV hướng dẫn trò chơi (Trò chơi gợi ý: *Con nghé, con ngựa ăn gì?*, GV dùng hình vẽ con ngựa, ghép với các bó cỏ có các chữ *ô, o, a, u, ư*; hình vẽ con nghé, ghép với các bó cỏ có các chữ *i, ê, e*.)
- HS tham gia trò chơi “Nhóm nào cho ngựa và nghé ăn nhanh nhất?”.

2. Ôn tập các âm chữ được học trong tuần

- HS mở SHS, trang 48.
- HS nghe GV giới thiệu bài ôn tập.
- HS quan sát các hình ảnh kèm các chữ cái, trao đổi và nhắc lại các âm chữ đã được học trong tuần (trương tự bài hướng dẫn ôn âm chữ).
- HS tìm từ ngữ có tiếng chứa các âm chữ *n, m, u, ư, g, gh, ng, ngh* (Có thể tổ chức dưới dạng trò chơi *Tiếp sức cho bạn/ Chuyển bóng* trong nhóm, giữa các nhóm).

– HS nói câu có từ ngữ có tiếng chứa âm chữ vừa được học trong tuần. (GV có thể hướng dẫn HS hiểu nghĩa các tiếng vừa đọc bằng hình ảnh, động tác hoặc bằng cách đặt trong cụm từ/câu).

– HS quan sát bảng ghép các âm *n-u-nu, n-ư-nư, ...; g-u-gu, g-ư-gư, g-a-ga; gh-e-ghe, gh-ê-ghê, gh-i-ghi; ng-u-ngu, ng-ư-ngư, ng-a-nga; ngh-e-nghe, ngh-ê-nghê, ngh-i-nghi ...* và đánh vần, đọc các chữ được ghép. (GV hướng dẫn HS nhận biết quy tắc chính tả, qua việc đọc thuộc lòng câu “Trước i, e, ê; em viết gh (gờ kép/ gờ hát), ngh (ngờ kép/ ngờ hát)”.

– HS quan sát bảng ghép chữ và thanh, đánh vần đọc các chữ được ghép: *na-huyền-nà, na-sắc-ná, na-nặng-nạ, na-hỏi-ná; na-ngã-nã; ngo-huyền-ngò, ngo-sắc-ngó, ...* (GV có thể hướng dẫn HS hiểu nghĩa các tiếng vừa đọc bằng hình ảnh hoặc bằng động tác hoặc bằng cách đặt trong cụm từ/câu.)

3. Luyện tập đánh vần, đọc trơn, tìm hiểu nội dung đoạn đọc ứng dụng

- HS nghe GV đọc mẫu.
- HS tìm các tiếng có âm chữ mới được học trong tuần, đánh vần các tiếng.
- HS đọc trơn tiếng/ từ chứa âm chữ mới được học trong tuần.
- HS đọc thành tiếng bài đọc.
- HS tìm hiểu nội dung bài đọc (“Ai kể bà nghe?”, “Bè cá có những gì?”).

TIẾT 2

4. Tập viết và chính tả

4.1. Tập viết cụm từ ứng dụng

- HS đánh vần các tiếng có trong cụm ứng dụng *kì nghỉ hè*.
- HS quan sát cách GV viết và phân tích khoảng cách giữa các chữ.
- HS viết cụm từ ứng dụng vào vở.

4.2. Bài tập chính tả

- HS thực hiện bài tập chính tả vào VBT.

(GV có thể cho HS luyện tập bài tập chính tả *g/gh, ngh/ngh*, bằng việc ghi vào bảng con các từ chữ, như *gà, ghi, ngà, nghĩ, ...*)

(Dựa trên cơ sở bài đọc và tên chủ đề, GV tự soạn thêm bài tập cho HS.)

- HS kiểm tra bài làm, tự đánh giá (theo hướng dẫn của GV), sửa lỗi nếu mắc lỗi.
- HS chọn biểu tượng đánh giá phù hợp với kết quả bài làm của mình.

5. Hoạt động mở rộng

– HS luyện nói về chủ đề *Kì nghỉ* (GV chủ động thiết kế nội dung này nhằm giúp HS mở rộng vốn từ và phát triển lời nói về chủ đề *Kì nghỉ* về các phương diện như thời gian,

nơi nghỉ, đi cùng với ai, sự yêu thích,...).

– HS tham gia hát/ đọc đồng dao, đọc thơ kết hợp vận động, VD: trò chơi *Nhảy lò cò vòng quanh thế giới*: vẽ các vòng kẻ tiếp hoặc xoắn ốc, mỗi vòng có các từ ngữ có tên gọi liên quan đến nơi em muốn đến tham quan, du lịch,... cùng người thân, có âm vần được học. HS nhảy vào vòng nào đọc các từ ngữ đó...

6. **Củng cố, dặn dò**

– HS nhận diện lại tiếng/ từ chứa âm chữ vừa được ôn tập (Ưu tiên *g/ gh, ng/ ngh*; chữ, tiếng có *l/ n*).

– HS nắm được nội dung đọc, viết ở giờ tự học hoặc ở nhà (với HS học một buổi).

– HS biết chuẩn bị cho tiết học sau (Kể chuyện *Nghỉ hè*).

B. KỂ CHUYỆN (tiết 12, SHS, tr.49)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Phán đoán nội dung câu chuyện dựa vào tên truyện *Nghỉ hè*, tên chủ đề *Kì nghỉ* và tranh minh hoạ.
2. Kể từng đoạn của câu chuyện dựa vào tranh minh hoạ và câu gợi ý dưới tranh.
3. Trả lời câu hỏi về nội dung bài học và liên hệ bài học trong câu chuyện với bản thân.
4. Sử dụng âm lượng, ánh mắt, giọng nói phù hợp với từng đoạn của câu chuyện khi kể.
5. Bồi dưỡng cảm xúc yêu thích các hoạt động vận động và tình yêu với biển cả.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC (như các tiết kể chuyện ở chủ đề 1, 2, 3)

Nội dung truyện

Nghỉ hè

1. Nghỉ hè, bố mẹ đưa Đức và Thư ra biển chơi.
2. Tàu chở mọi người ra khu vực câu cá và ngắm san hô.

Thư ở lại tàu cùng mẹ câu cá. Bố và anh Đức đội mũ có bình ô-xi, cầm thức ăn cho cá cùng chú hướng dẫn viên lặn xuống biển.

Kìa, rặng san hô rực rỡ hiện ra. Những đàn cá vây quanh Đức. Mười lăm phút đi bộ dưới đáy biển qua nhanh.

3. Chuẩn bị leo lên tàu, bỗng Đức cảm thấy có vật gì quấn vào chân. Cậu hoảng hốt kêu to:

– Á... rần..., bố ơi...

4. Bố và chú hướng dẫn viên cùng đến giúp Đức. Bố giơ “con rấn” lên, thì ra đó... chỉ là một cây rong biển. Mọi người thở phào nhẹ nhõm. Đức bẽn lẽn cười. Cậu cảm thấy biển đẹp và đáng yêu hơn mình tưởng tượng rất nhiều. Thư thì mong nhanh đến hè năm sau để được đi bộ dưới đáy biển ngắm san hô như anh Đức.

Như Hải

Câu hỏi:

1. Nghỉ hè, nhà bạn Thư đi đâu?
2. Em thích đi bộ dưới đáy biển ngắm san hô giống anh Đức không?

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

– GV yêu cầu HS nhắc lại cách kể chuyện đã học trong tuần trước (VD: sử dụng âm lượng, đánh giá nhân vật bằng hình ảnh), kèm theo một vài câu hỏi về truyện kể tuần trước. VD: “Tên câu chuyện là gì?” (*Bé và chị đi chợ*), “Câu chuyện kể về những ai?” (*bé, chị*), “Câu chuyện dạy em điều gì?” (*trung thực khi nhặt được của rơi*), “Em thích nhân vật/ tình tiết nào nhất? Vì sao?”.

– HS tham gia trò chơi hoặc một hoạt động giải trí (ưu tiên trò chơi hoặc hoạt động có chứa âm văn được học và liên quan với nội dung bài học. GV có thể tổ chức hoặc không).

2. Khởi động

- HS đánh vần và đọc trơn tên truyện *Nghỉ hè*.
- Dựa vào tranh minh họa, HS phán đoán và trao đổi với bạn về nội dung câu chuyện. (Câu hỏi gợi ý: “Hình vẽ có những ai?”, “Ai xuất hiện nhiều nhất?”, “Câu chuyện diễn ra ở những chỗ nào?”, “Có những chuyện gì xảy ra với nhân vật bé?”).
- HS nghe GV giới thiệu bài mới.

3. Luyện tập nghe kể chuyện và kể chuyện

– HS nghe GV kể mẫu lần một toàn bộ câu chuyện và liên hệ nội dung câu chuyện với những phán đoán lúc trước của mình.

– HS nghe kể lần hai theo từng đoạn và quan sát tranh minh họa. (GV sử dụng câu chủ đề dưới mỗi bức tranh để hướng dẫn HS. Khi kể, GV có thể đặt một vài câu hỏi gợi ý, hoặc sử dụng sơ đồ mạng câu chuyện để giúp HS ghi nhớ. VD: “Nghỉ hè, cả nhà Đức đi đâu chơi?”, “Ở biển, Đức chơi trò gì?”, “Chuyện gì xảy ra khi Đức quay trở lại ca nô?”, “Câu chuyện kết thúc như thế nào?”, GV giải thích “Thư mong nhanh tới hè năm sau để được đi bộ dưới biển ngắm san hô như anh Đức”: 8 tuổi trở lên mới được đi bộ dưới đáy biển).

- HS kể từng đoạn của câu chuyện với bạn trong nhóm nhỏ.

- Nhóm HS kể lại toàn bộ câu chuyện trước lớp (với âm lượng kể trước cả lớp).
- HS nhận xét, đánh giá về các nhân vật và nội dung câu chuyện (“Em thích đi lặn biển ngắm san hô giống Đức không? Vì sao?”).

Lưu ý: Nếu có HS đọc được câu chủ đề của đoạn truyện dưới mỗi tranh, GV có thể hướng dẫn HS và cho phép HS đó dựa vào các câu chủ đề đó để kể.

4. Củng cố, dặn dò

- HS nhắc lại tên truyện, số lượng các nhân vật, nhân vật yêu thích.
- HS biết đọc, nghe kể thêm truyện ở nhà. GV hướng dẫn HS đọc mở rộng (tên sách, tên truyện, trang đọc mở rộng).
- HS biết chuẩn bị cho tiết học sau (Chủ đề *Ở nhà*).